

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.8 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 07/10/2016	4.929.230.220	4.929.230.220
Tăng trong năm	763.018.200	763.018.200
Mua trong năm	763.018.200	763.018.200
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>5.692.248.420</u>	<u>5.692.248.420</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 07/10/2016	4.728.071.820	4.728.071.820
Tăng trong năm	11.044.200	11.044.200
Khấu hao trong năm	11.044.200	11.044.200
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>4.739.116.020</u>	<u>4.739.116.020</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 07/10/2016	<u>201.158.400</u>	<u>201.158.400</u>
Tại 31/12/2016	<u>953.132.400</u>	<u>953.132.400</u>

5.9 Bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	31/12/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	7/10/2016
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	11.856.000.000	-	-	11.856.000.000
- Nhà	11.856.000.000	-	-	11.856.000.000
- Máy móc thiết bị	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	766.586.012	96.033.600	-	670.552.412
- Nhà	766.586.012	96.033.600	-	670.552.412
Giá trị còn lại	11.089.413.988	-	96.033.600	11.185.447.588
- Nhà	11.089.413.988	-	96.033.600	11.185.447.588

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016 VND	07/10/2016 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	32.285.255.907	16.691.753.646
- Dự án xây dựng trụ sở tại 243 Đê La Thành	32.285.255.907	16.691.753.646
Tổng	<u>32.285.255.907</u>	<u>16.691.753.646</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		7/10/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con				
CTCP Tư vấn xây dựng Công trình vật liệu xây dựng – CCBM	89.135.263.280	89.135.263.280	89.135.263.280	89.135.263.280
CTCP Tư vấn đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam - CDC	12.308.006.894	12.308.006.894	12.308.006.894	12.308.006.894
CTCP Tư vấn Xây dựng Tổng hợp – NAGECCO	9.899.887.460	9.899.887.460	9.899.887.460	9.899.887.460
CTCP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam – VCC	20.974.324.237	20.974.324.237	20.974.324.237	20.974.324.237
CTCP Khảo sát và Xây dựng – USCO	13.977.538.468	13.977.538.468	13.977.538.468	13.977.538.468
CTCP Tư vấn Nước và Môi trường Việt Nam – VIWASE	31.975.506.221	31.975.506.221	31.975.506.221	31.975.506.221
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				
CTCP Tư vấn công nghệ TB và kiểm định XD - CONINCO	39.930.085.157	39.930.085.157	39.930.085.157	39.930.085.157
CTCP Kiểm định Kỹ thuật an toàn và TV Xây dựng - Incosaf	13.464.000.000	13.464.000.000	13.464.000.000	13.464.000.000
CTCP tin học và Tư vấn xây dựng – CIC	5.204.271.639	5.204.271.639	5.204.271.639	5.204.271.639
CTCP Tư vấn Nước và Môi trường Việt Nam – VIWASE	4.809.413.421	4.809.413.421	4.809.413.421	4.809.413.421
Đầu tư vào đơn vị khác				
CTCP Bất động sản LILAMA LAND	16.452.400.097	16.452.400.097	16.452.400.097	16.452.400.097
CTCP Đầu tư Phát triển hạ tầng Tân Cảng	16.753.699.392	16.753.699.392	16.753.699.392	16.753.699.392
CTCP Tư vấn công trình Châu Á Thái Bình Dương	6.618.717.457	6.618.717.457	6.618.717.457	6.618.717.457
	8.876.362.207	8.876.362.207	8.876.362.207	8.876.362.207
	1.258.619.728	1.258.619.728	1.258.619.728	1.258.619.728
Tổng	145.819.047.829	145.819.047.829	145.819.047.829	145.819.047.829

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.12 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		7/10/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	15.637.944.681	15.637.944.681	4.310.364.217	4.310.364.217
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng	456.732.000	456.732.000	456.732.000	456.732.000
Công ty CP Duy Hợp	513.354.543	513.354.543	513.354.543	513.354.543
Công ty KTS Việt Nam	-	-	585.045.000	585.045.000
Tổng Công ty 36 Bộ QP	9.232.943.236	9.232.943.236	-	-
Các đối tượng khác	5.434.914.902	5.434.914.902	2.755.232.674	2.755.232.674
Tổng	15.637.944.681	15.637.944.681	4.310.364.217	4.310.364.217

5.13 Người mua trả tiền trước*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		7/10/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	40.196.672.048	40.196.672.048	54.480.898.956	54.480.898.956
Học viện Quân Y	-	-	3.783.579.164	3.783.579.164
Tổng Công ty 36	-	-	4.990.650.000	4.990.650.000
BQL đầu tư xây dựng các công trình thuộc Sở Y Tế	-	-	4.945.131.328	4.945.131.328
Công ty liên danh TNHH Phát triển đô thị mới Bắc an khánh	-	-	2.750.000.000	2.750.000.000
Tổng Công ty xăng dầu Quân đội	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Limetess Word	-	-	6.123.597.257	6.123.597.257
Ban QL Đầu tư XD CT tỉnh Vĩnh Phúc	4.770.000.000	4.770.000.000	-	-
Công ty TNHH SIMIDU Việt Nam	1.012.500.000	1.012.500.000	-	-
Các đối tượng khác	34.414.172.048	34.414.172.048	28.887.941.207	28.887.941.207
Tổng	40.196.672.048	40.196.672.048	54.480.898.956	54.480.898.956

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	07/10/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2016
Phải nộp	3.642.177.556	5.139.001.361	6.545.110.228	2.236.068.689
Thuế giá trị gia tăng	627.775.256	4.680.250.301	4.257.228.336	1.050.797.221
Thuế thu nhập doanh nghiệp	507.090.738	1.040.376.769	533.556.000	1.013.911.507
Thuế thu nhập cá nhân	2.507.311.562	(653.298.066)	1.682.653.535	171.359.961
Thuế nhà đất tiền thuê đất				-
Thuế khác	-	71.672.357	71.672.357	-
Phải thu	7.555.145.771	1.077.396.435	1.522.101.681	7.999.851.017
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	1.077.396.435	1.077.396.435	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	1.522.101.681	1.522.101.681
Thuế tài nguyên				-
Lợi nhuận còn lại nộp thừa vào NSNN	6.253.201.329	-	-	6.253.201.329
Thuế nhà đất tiền thuê đất	224.548.007	-	-	224.548.007

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2016 VND	07/10/2016 VND
Ngắn hạn	3.425.314.682	5.917.502.569
- Chi phí dự án trích trước theo doanh thu hợp đồng tư vấn	2.772.888.052	5.135.710.639
- Chi phí bảo hiểm công trình	182.780.839	165.269.930
- Phí dịch vụ thuê nhà CCBM	262.645.791	
- Chi phí cổ phần hóa	207.000.000	616.522.000
Tổng	3.425.314.682	5.917.502.569

5.16 Phải trả khác

	31/12/2016 VND	07/10/2016 VND
Ngắn hạn	48.509.428.159	91.364.316.160
Kinh phí công đoàn	98.075.558	298.406.484
Bảo hiểm xã hội	171.474.361	580.801.911
Bảo hiểm y tế	5.936.252	221.626.152
Bảo hiểm thất nghiệp	2.638.334	89.610.636
Phải trả về cổ phần hóa	10.546.306.480	53.265.670.965
Phải trả, phải nộp khác	37.684.997.174	36.908.200.012
Dài hạn	-	-
Tổng	48.509.428.159	91.364.316.160

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	279.024.467.007	78.720.015.478	6.525.694.338	-	-	364.270.176.823
Tăng trong năm						
Tăng vốn	78.720.015.478	-	-	-	-	78.720.015.478
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	18.732.891.089	18.732.891.089
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm						
Trích lập các quỹ	-	(78.720.015.478)	-	-	(18.732.891.089)	(78.720.015.478)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(18.732.891.089)
Giảm khác	(2.485)	-	(6.525.694.338)	-	-	(6.525.696.823)
Số dư tại 06/10/2016	357.744.480.000	-	-	-	-	357.744.480.000
Số dư tại 07/10/2016	357.744.480.000	-	-	-	-	357.744.480.000
Tăng trong kỳ						
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	4.024.400.904	4.024.400.904
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ						
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	357.744.480.000	-	-	-	4.024.400.904	361.768.880.904

Đơn vị tính: VND

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2016	07/10/2016
	VND	VND
Cổ đông Nhà nước	312.377.480.000	312.377.480.000
Vốn góp của cổ đông khác	45.367.000.000	45.367.000.000
Tổng	357.744.480.000	357.744.480.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ hoạt động từ 07/10/2016 đến 31/12/2016	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 06/10/2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	357.744.480.000	279.024.467.007
Vốn góp tăng trong kỳ	-	78.720.012.993
Vốn góp tại cuối kỳ	357.744.480.000	357.744.480.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2016	07/10/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.774.448	94.647.491
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.774.448	35.774.448
Cổ phiếu phổ thông	35.774.448	35.774.448
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.774.448	35.774.448
Cổ phiếu phổ thông	35.774.448	35.774.448
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	31/12/2016	01/01/2016
Ngoại tệ các loại		
USD	42.473,22	71.745,89

Tài sản thuê ngoài

Tháng 02/2015, Tổng Công ty chuyển tạm thời sang địa chỉ mới: Tầng 6-7-8-9-14, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội để xây dựng trụ sở làm việc.

Nhà số 27 - Tập thể Viện KHCN 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Kho tại CTCP Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu xây dựng, ngõ 235 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Tài sản giữ hộ Nhà nước

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại	Ghi chú
1	Máy chụp Xray	698.800.000	589.737.293	109.062.707	nhận từ Incosaf
2	Thiết bị đo nồng độ khí	88.771.428	79.111.570	9.659.858	nhận từ Incosaf
3	Máy dò cốt thép trong BT bằng SÂm	88.000.500	65.425.452	22.575.048	nhận từ Incosaf
4	Máy SÂm KL Panametriess EPOCH II	62.700.000	37.999.326	24.700.674	nhận từ Incosaf
5	Máy SÂm MH Panametriess EPOCH I	49.900.000	30.241.872	19.658.128	nhận từ Incosaf
6	Thiết bị KT độ chính xác van AT	62.955.902	62.955.902	-	nhận từ Incosaf
7	Thiết bị đo rung xác định TSBĐ	44.696.788	44.696.788	-	nhận từ Incosaf
8	Lực kế điện tử 25T	75.300.000	75.300.000	-	nhận từ Incosaf
9	Thiết bị đo lưu lượng CL bằng SÂ	94.740.350	94.740.350	-	nhận từ Incosaf
10	Máy siêu âm bê tông	94.195.248	94.195.248	-	nhận từ Incosaf
11	Máy khoan XY-1	69.437.000	69.437.000	-	nhận từ USCo
12	Máy khoan XY-1	71.765.184	71.765.184	-	nhận từ USCo
13	Máy đo đọc phụt vữa TS2	238.678.810	238.678.810	-	nhận từ USCo
14	Máy khoan đá bề mặt KQD100	30.285.714	30.285.714	-	nhận từ USCo
15	Nhà kho khung thép	436.202.000	436.202.000	-	nhận từ USCo
16	Nhà xưởng - Xưởng cơ khí	111.220.656	111.220.656	-	nhận từ USCo
17	Kho. nhà bảo vệ	59.460.850	59.460.850	-	nhận từ USCo
	Tổng cộng	2.377.110.430	2.191.454.015	185.656.415	

Đây là những tài sản không cần dùng, chờ thanh lý do cổ phần hóa 2 công ty thành viên Usco và Incosaf.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/10/2016 VND
Doanh thu tư vấn	82.664.624.920	170.172.735.806
Doanh thu cho thuê sản văn phòng	438.322.000	344.774.182
Tổng	83.102.946.920	170.517.509.988

5.20 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/10/2016 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	71.927.378.013	145.329.114.497
Tổng	71.927.378.013	145.329.114.497

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/10/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.058.226.740	9.148.442.727
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	7.863.145.106
Lãi chênh lệch tỷ giá	27.663.139	24.924
Đánh giá lại các khoản ĐTTC dài hạn	-	2.335.311.646
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	37.300.000
Tổng	1.085.889.879	19.384.224.403

5.22 Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/10/2016 VND
Đánh giá lại các khoản đầu tư dài hạn	-	7.555.055.127
Chi phí khác	-	79.434.545
Tổng	-	7.634.489.672

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/10/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	81.856.367	253.116.688
Chi phí nhân công	3.257.318.924	9.088.964.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	614.700.960	133.728.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	592.240.428	2.309.322.915
Chi phí khác bằng tiền	2.683.879.314	3.470.037.411
Tổng	7.229.995.993	15.255.169.453

5.24 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/10/2016 VND
Thu nhập khác		
Thu từ thi phương án thiết kế	79.590.000	218.181.818
Thu từ thanh lý tài sản	-	401.381.727
Thu khác	6.000.000	19.500.000
Tổng	85.590.000	639.063.545
Chi phí khác		
Chi từ thi phương án thiết kế	79.590.000	218.181.818
Chi thanh lý tài sản	-	71.724.152
Chi phí khác	6.241.120	370.089.475
Tổng	85.831.120	659.995.445
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(241.120)	(20.931.900)

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.25 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/10/2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	1.006.820.769	2.929.137.780
Tổng	1.006.820.769	2.929.137.780

5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/10/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.077.194.317	25.920.380.170
Chi phí nhân công	22.282.919.502	50.983.307.354
Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.168.679	44.987.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi phí khác bằng tiền	28.564.532.362	86.389.125.331
Tổng	60.039.814.860	163.337.800.652

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Hồi tố**

Tại ngày 07/10/2016, Tổng Công ty đã trình bày lại Báo cáo tài chính theo Biên bản quyết toán thuế Tổng Công ty. Cụ thể:

Bảng Cân đối kế toán:

	07/10/2016 VND	06/10/2016 VND	Chênh lệch VND
TÀI SẢN			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	32.938.939.069	30.564.377.843	2.374.561.226
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.963.692.084	6.963.692.084	-
Phải thu ngắn hạn khác	15.181.712.895	15.035.804.636	145.908.259
Hàng tồn kho	57.424.470.038	62.028.619.899	(4.604.149.861)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7.555.145.771	8.761.931.886	(1.206.786.115)
TỔNG	120.063.959.857	123.354.426.348	(3.290.466.491)
NGUỒN VỐN			
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	54.480.898.956	62.345.057.505	(7.864.158.549)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.642.177.556	2.982.183.519	659.994.037
Phải trả người lao động	17.351.911.141	14.915.403.776	2.436.507.365
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.917.502.569	5.607.861.568	309.641.001
Phải trả ngắn hạn khác	91.364.316.160	81.256.687.427	10.107.628.733
Vốn góp của chủ sở hữu	357.744.480.000	357.744.482.485	(2.485)
Quỹ đầu tư phát triển	-	8.940.076.593	(8.940.076.593)
TỔNG	530.501.286.382	533.791.752.873	(3.290.466.491)

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/10/2016 (sau điều chỉnh)	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/10/2016 (trước điều chỉnh)	Chênh lệch
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	170.517.509.988	161.242.928.873	9.274.581.115
Giá vốn hàng bán	145.329.114.497	138.772.594.434	6.556.520.063
Chi phí khác	659.995.445	296.018.340	363.977.105
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.929.137.780	2.288.971.917	640.165.863

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.2 Giao dịch các bên liên quan

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/10/2016
	VND	VND
Lương và thù lao	876.689.000	2.927.744.000
Tổng	876.689.000	2.927.744.000

Giao dịch bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/10/2016
		VND	VND
CTCP tư vấn xây dựng tổng hợp - NAGECO	Cổ tức, thù lao người đại diện	-	2.065.800.000
CTCP xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam - VCC	Cổ tức, thù lao người đại diện, dịch vụ khác	96.727.000	1.803.467.798
CTCP tư vấn thiết kế xây dựng - CDC	Cổ tức, thù lao người đại diện, dịch vụ khác	885.000.000	837.365.998
CTCP khảo sát và xây dựng - USCO	Cổ tức, thù lao người đại diện, dịch vụ khác	-	2.742.788.000
CTCP Tư vấn xây dựng công trình vật liệu xây dựng - CCBM	Cổ tức, thù lao người đại diện, dịch vụ khác	-	861.883.800
CTCP kiểm định kỹ thuật an toàn và TV xây dựng - INCOSAF	Cổ tức, thù lao người đại diện, dịch vụ khác	-	652.750.000
CTCP tin học và tư vấn xây dựng - CIC	Cổ tức, thù lao người đại diện	-	354.770.000
CTCP tư vấn nước và môi trường VN - VIWASE	Cổ tức, thù lao người đại diện, dịch vụ khác	6.000.000	1.553.268.145
CTCP tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO	Cổ tức, thù lao người đại diện	-	1.657.200.000
Tổng		987.727.000	12.529.293.741

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016

ÉT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẤU B 09 - DN

Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2016 VND	07/10/2016 VND
Công nợ Phải thu			
CTCP tư vấn xây dựng tổng hợp - NAGECO	Phải thu khác	28.800.000	38.400.000
CTCP xây dựng công nghiệp và đô thị Việt nam - VCC	Phải thu khác	18.000.000	-
CTCP tư vấn thiết kế xây dựng - CDC	Phải thu khác	7.500.000	-
CTCP khảo sát và xây dựng - USCO	Phải thu khác	3.278.737.308	3.260.737.308
CTCP Tư vấn xây dựng công trình vật liệu xây dựng - CCBM	Phải thu khác	15.300.000	20.400.000
CTCP kiểm định kỹ thuật an toàn và tư vấn xây dựng - INCOSAF	Phải thu khác	-	-
CTCP tin học và tư vấn xây dựng - CIC	Phải thu khác	17.930.000	29.930.000
CTCP tư vấn nước và môi trường VN - VIWASE	Phải thu khác	-	-
CTCP tư vấn CN thiết bị và kiểm định XD - CONINCO	Phải thu khác	12.000.000	24.000.000
Tổng		3.373.467.308	3.378.267.308
Công nợ Phải trả			
CTCP tư vấn xây dựng tổng hợp - NAGECO	Phải trả khác	375.000.000	750.000.000
CTCP tư vấn thiết kế xây dựng - CDC	Phải trả khác	375.000.000	750.000.000
CTCP khảo sát và xây dựng - USCO	Phải trả khác	375.000.000	750.000.000
CTCP Tư vấn xây dựng công trình vật liệu xây dựng - CCBM	Phải trả khác	375.000.000	750.000.000
CTCP tư vấn nước và môi trường VN - VIWASE	Phải trả khác	375.000.000	750.000.000
CTCP tư vấn CN thiết bị và kiểm định XD - CONINCO	Phải trả khác	375.000.000	750.000.000
Tổng		2.250.000.000	4.500.000.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	07/10/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.261.855.593	73.225.656.028
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.168.374.894	48.222.151.964
Đầu tư ngắn hạn	173.570.000.000	200.621.250.000
Đầu tư dài hạn	16.753.699.392	16.753.699.392
Tổng	266.753.929.879	338.822.757.384
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	64.147.372.840	95.674.680.377
Chi phí phải trả	3.425.314.682	5.917.502.569
Tổng	67.572.687.522	101.592.182.946

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	64.147.372.840	-	64.147.372.840
Chi phí phải trả	3.425.314.682	-	3.425.314.682
07/10/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	95.674.680.377	-	95.674.680.377
Chi phí phải trả	5.917.502.569	-	5.917.502.569

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
31/12/2016	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.261.855.593	-	32.261.855.593
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.066.874.894	101.500.000	44.168.374.894
Đầu tư ngắn hạn	173.570.000.000	-	173.570.000.000
Đầu tư dài hạn	-	16.753.699.392	16.753.699.392
07/10/2016	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.225.656.028	-	73.225.656.028
Phải thu khách hàng và phải thu khác	48.120.651.964	101.500.000	48.222.151.964
Đầu tư ngắn hạn	200.621.250.000	-	200.621.250.000
Đầu tư dài hạn	-	16.753.699.392	16.753.699.392

6.1 Thông tin so sánh

Kỳ kế toán trong Báo cáo tài chính này của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 07/10/2016 đến ngày 31/12/2016 là kỳ hoạt động đầu tiên dưới hình thức Công ty cổ phần nên không có số liệu so sánh. Số liệu trình bày cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/10/2016 chỉ cho mục đích tham khảo.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc

Người lập

Phụ trách Phòng TC-KT





Lê Thị Thanh Bình

Nguyễn Thị Đoàn Trang

KTS. Trần Đức Toàn